

Số: **350/2022/QĐST-HNGĐ**

*Quận H, ngày 15 tháng 6 năm 2022*

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý 266/2022/TLST - HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 về việc ly hôn, giữa:

- **Nguyên đơn: Chị Trần Ngọc T**; sinh năm 1993; ĐKKH: 197 M, phường M, quận H, thành phố H, nơi cư trú: P808, chung cư F4 114 T, quận C, thành phố H.

- **Bị đơn: Anh Nguyễn Xuân T**; sinh năm 1993; HKTT và nơi cư trú: 197B M, phường M, quận H, thành phố H.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

**Anh Phạm Hoàng L**, sinh năm 1991; HKTT và nơi cư trú: P808 nhà F4, Đô thị mới Y, phường Y, quận C, thành phố H.

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH4 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 6 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Trần Ngọc T và Anh Nguyễn Xuân T.**

## 2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Xuân T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được và cùng thuận tình ly hôn.

### 2.2. Về con:

+ Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Xuân T xác nhận có hai con chung là Nguyễn Gia B, sinh ngày 27/7/2014 và Nguyễn Tùng B, sinh ngày 08/9/2016. Khi ly hôn chị T và anh T thỏa thuận, anh T là người trực trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục hai con chung kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác về quyền nuôi con.

Sau khi ly hôn, chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom và chăm sóc hai con chung mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị T và anh T thỏa thuận, mỗi tháng chị T cấp dưỡng cháu B 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và cấp dưỡng nuôi cháu B 2.500.000 (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) kể từ khi ly hôn cho đến khi hai con chung trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác.

+ Chị Trần Ngọc T, anh Nguyễn Xuân T và anh Phạm Hoàng L cùng công nhận Kết quả xét nghiệm ADN số 2091H/2022 ngày 22/03/2022 của Công ty TNHH C là đúng.

- Chị Trần Ngọc T, anh Nguyễn Xuân T và anh Phạm Hoàng L xác nhận cháu trai do chị T sinh ra ngày 25/02/2022 (tên dự định đặt là Phạm Uy V), theo giấy chứng sinh số 004887, quyển số 49, do Bệnh viện Đa khoa P – Chi nhánh Công ty TNHH P cấp ngày 25/02/2022 là con đẻ của chị Trần Ngọc T và anh Phạm Hoàng L. Chị T và anh L là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu trai do chị T sinh ngày 25/02/2022 cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) hoặc đến khi có sự thay đổi khác. Chị T và anh L có nghĩa vụ đi làm giấy khai sinh cho cháu trai do chị T sinh ngày 25/02/2022 theo quy định của pháp luật.

2.3. Về tài sản chung gồm (động sản và bất động sản): Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Xuân T xác nhận không có và không yêu cầu Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.4. Về vay nợ chung: Chị Trần Ngọc T và anh Nguyễn Xuân T xác nhận không vay nợ của ai và cũng không cho ai vay chung và không đề nghị Toà án giải quyết, nên Tòa án không xem xét.

2.5. Về án phí: Anh chị thoả thuận chị T là người chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) chị đã nộp theo Biên lai số 0012440 ngày 10/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận H, thành phố H.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**\* Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- UBND phường M, quận H,  
nơi đăng ký kết hôn (số 103, quyển 01 ngày  
01/10/2014);
- VKSND quận H;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

(Đã ký)

**Lương Thị Thu H**

